

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 132 /NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn  
ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03  
Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 07**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính  
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc  
gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã  
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I:  
từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông  
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương  
giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc  
gia;*

*Thực hiện Công văn số 3984/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của  
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số  
27/2022/NĐ-CP;*

*Trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 51/2017/NQ-  
HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để  
thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016  
- 2020; số 310/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2020 Quy định về các*

*nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hòa Bình; số 114/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; số 128/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các huyện thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 130/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; số 131/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 về Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;*

*Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình giao Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, như sau:

Tổng số Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 là: 274.535 triệu đồng. Cụ thể:

1. Huyện Đà Bắc: 39.300 triệu đồng;
2. Huyện Mai Châu: 32.500 triệu đồng;
3. Huyện Tân Lạc: 29.700 triệu đồng;
4. Huyện Lạc Sơn: 42.000 triệu đồng;
5. Huyện Kim Bôi: 53.700 triệu đồng;
6. Huyện Yên Thủy: 33.000 triệu đồng;
7. Huyện Cao Phong: 23.400 triệu đồng;
8. Huyện Lạc Thủy: 4.200 triệu đồng;
9. Huyện Lương Sơn: 10.695 triệu đồng;
10. Thành phố Hoà Bình: 5.240 triệu đồng;
11. Sở Y tế: 800 triệu đồng.

*(Chi tiết theo biểu 01 đính kèm).*

**Điều 2.** Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, như sau:

Tổng số Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 là: 95.423 triệu đồng. Cụ thể:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo:  
Huyện Đà Bắc: 70.092 triệu đồng.
2. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
  - a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 24.263 triệu đồng, trong đó:
    - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 24.263 triệu đồng.
  - b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: 1.068 triệu đồng, trong đó:
    - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 641 triệu đồng;
    - Huyện Đà Bắc: 40 triệu đồng;
    - Huyện Mai Châu: 47 triệu đồng;
    - Huyện Tân Lạc: 45 triệu đồng;
    - Huyện Lạc Sơn: 40 triệu đồng;
    - Huyện Kim Bôi: 40 triệu đồng;
    - Huyện Yên Thủy: 40 triệu đồng;
    - Huyện Cao Phong: 40 triệu đồng;
    - Huyện Lạc Thủy: 45 triệu đồng;
    - Huyện Lương Sơn: 45 triệu đồng;
    - Thành phố Hòa Bình: 45 triệu đồng.

*(Chi tiết theo biểu 02 đính kèm).*

**Điều 3.** Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, như sau:

Tổng số Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 (bao gồm vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022) là: 189.830 triệu đồng. Cụ thể:

1. Huyện Đà Bắc: 12.493 triệu đồng;
2. Huyện Mai Châu: 14.644 triệu đồng;
3. Huyện Tân Lạc: 29.051 triệu đồng;
4. Huyện Lạc Sơn: 24.539 triệu đồng;
5. Huyện Kim Bôi: 28.051 triệu đồng;
6. Huyện Yên Thủy: 16.900 triệu đồng;

7. Huyện Cao Phong: 15.790 triệu đồng;
8. Huyện Lạc Thủy: 15.632 triệu đồng;
9. Huyện Lương Sơn: 20.040 triệu đồng;
10. Thành phố Hoà Bình: 12.690 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 03 đính kèm).

#### **Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

##### 1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về thông tin số liệu, nội dung của Nghị quyết; định kỳ đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết.

b) Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 07 thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. / . *BH*

#### **Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (CT, các PCT);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- LĐVP Đoàn ĐBQH& HĐND tỉnh;
- TT Tin học và công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND (M).

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Đức Hình**

**Biểu số 01**

**GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

ST T	Đơn vị	Số xã KV III	Số xã KV III là ATK	Số xã ATK thuộc khu vực II, I chưa hoàn thành NTM	Số thôn ĐBKK của xã KVI và KVII	Dự án 1 (triệu đồng)	Dự án 2 (triệu đồng)	Dự án 3, tiểu dự án 2 (triệu đồng)	Dự án 4 (triệu đồng)	Dự án 5 (triệu đồng)	Dự án 6 (triệu đồng)	Tổng vốn phân bổ năm 2022 (triệu đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>					<b>34.640</b>	<b>15.000</b>	-	<b>197.095</b>	<b>12.000</b>	<b>15.800</b>	<b>274.535</b>	
<b>I</b>	<b>Các huyện, thành phố</b>	<b>52</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>76</b>	<b>34.640</b>	<b>15.000</b>	-	<b>196.295</b>	<b>12.000</b>	<b>15.800</b>	<b>273.735</b>	
1	Huyện Đà Bắc	11	1		11	3.800	-	-	33.500	-	2.000	39.300	
2	Huyện Mai Châu	8			3	3.000			23.700	5.000	800	32.500	
3	Huyện Tân Lạc	7			17	4.800	-		23.900		1.000	29.700	
4	Huyện Lạc Sơn	13			14	3.000			38.000		1.000	42.000	
5	Huyện Kim Bôi	7		5	5	3.000	15.000		32.700		3.000	53.700	
6	Huyện Yên Thủy	4			4	3.000			22.000	4.000	4.000	33.000	
7	Huyện Cao Phong	1	2		8	7.800			9.600	3.000	3.000	23.400	
8	Huyện Lạc Thủy				14	-			4.200		-	4.200	
9	Huyện Lương Sơn					3.000			6.695		1.000	10.695	
10	TP Hòa Bình	1				3.240			2.000		-	5.240	
<b>II</b>	<b>Các Sở ban, ngành</b>					-	-	-	<b>800</b>	-	-	<b>800</b>	
1	Sở Y tế								800			800	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

**Biểu số 02**

**GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Đơn vị/Danh mục dự án	Kế hoạch phân bổ vốn		Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>95.423</b>	<b>95.423</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo (huyện Đà Bắc)</b>	<b>70.092</b>	<b>70.092</b>	
	Huyện Đà Bắc	70.092	70.092	
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>	<b>25.331</b>	<b>25.331</b>	
<b>1</b>	<i>Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	<b>24.263</b>	<b>24.263</b>	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	24.263	24.263	
<b>2</b>	<i>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	<b>1.068</b>	<b>1.068</b>	
	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		641	
	- Huyện Đà Bắc		40	
	- Huyện Mai Châu		47	
	- Huyện Tân Lạc		45	
	- Huyện Lạc Sơn		40	
	- Huyện Kim Bôi		40	
	- Huyện Yên Thủy		40	
	- Huyện Cao Phong		40	
	- Huyện Lạc Thủy		45	
	- Huyện Lương Sơn		45	
	- TP Hòa Bình		45	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

**Biểu số 03**

**GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>189,830</b>	<b>138,410</b>	<b>51,420</b>	
<b>I</b>	<b>HUYỆN CAO PHONG</b>		<b>15,790</b>	<b>9,790</b>	<b>6,000</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Bắc Phong</b>		<b>2,420</b>	<b>2,020</b>	<b>400</b>	
	Sân Vận động xã	1 CT	1,020	1,020		
	Nhà Văn hóa xã	1 CT	1,400	1,000	400	
<b>2</b>	<b>Xã Bình Thanh</b>		<b>5,554</b>	<b>1,554</b>	<b>4,000</b>	
	Cầu xóm Tráng	1 CT	1,500	1,500		
	Xây dựng cầu C30 xóm Mỗ	30 m	2,854	54	2,800	
	Xây dựng đường xóm Lòn	0,3Km	350		350	
	Đường xóm Tráng	1 CT	850		850	
<b>3</b>	<b>Xã Dũng Phong</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Nâng cấp đường giao thông xóm Bãi Bệ 1	2,0 Km	1,200	800	400	
	Nâng cấp đường giao thông xóm Bãi Bệ 2, xã Dũng Phong	1,0 Km	754	754		
<b>4</b>	<b>Xã Nam Phong</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông xóm Trọ Trong, xã Nam Phong	0,3 Km	350	350		
	Xây dựng đường bê tông nội đồng xóm Mạc, xã Nam Phong	0,3 Km	350	350		
	Xây dựng đường bê tông nội đồng xóm Đúc, xã Nam Phong	0,3 Km	350	350		
	Xây dựng đường giao thông xóm Trọ Ngoài 2, xã Nam Phong	0,5 Km	654	254	400	

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Xây dựng kênh mương Pợ xóm Trẹo Trong, xã Nam Phong	0,3 Km	250	250		
<b>5</b>	<b>Xã Thu Phong</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông xóm Mới đi xóm Vô, xã Thu Phong	0,3 Km	350	350		
	Sửa chữa nhà văn hóa xóm Bung 1, xã Thu Phong	1 CT	454	454		
	Xây dựng đường giao thông xóm Bung 2, xã Thu Phong	1,0 Km	1,150	750	400	
<b>6</b>	<b>Xã Tây Phong</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông xóm Chao Khạ	0,7 Km	400	400		
	Nâng cấp đường giao thông xóm Bằm	2,5 Km	1,554	1,154	400	
<b>II</b>	<b>HUYỆN ĐÀ BẮC</b>		<b>12,493</b>	<b>10,893</b>	<b>1,600</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Cao Sơn</b>		<b>6,631</b>	<b>6,231</b>	<b>400</b>	
	Cải tạo, nâng cấp nước sinh hoạt kết hợp nước sản xuất tưới tiêu xã Cao Sơn	01CT	3,251	3,251		
	Xây dựng nhà văn hóa xóm Sơn Lập, xã Cao Sơn	01 CT	500	500		
	Xây dựng nhà văn hóa xóm Bai xã Cao Sơn	01CT	500	500		
	Xây dựng hệ thống thoát nước thải cụm dân cư xóm Sơn Phú, xã Cao Sơn	0,5Km	700	700		
	Nâng cấp đường bê tông nội các xóm xã Cao Sơn	1,8Km	1,680	1,280	400	
<b>2</b>	<b>Xã Hiền Lương</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng nhà văn hóa xóm Dung, xã Hiền Lương	01CT	499	499		
	Xây dựng nhà văn hóa xóm Mái, xã Hiền Lương	01 CT	500	500		
	Nâng cấp đường bê tông nội các xóm xã Hiền Lương	0,7Km	955	555	400	
<b>3</b>	<b>Xã Tú Lý</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cải tạo sửa chữa Hệ thống thoát nước thải xã Tú Lý	0,3Km	479	479		



STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Nâng cấp đường bê tông nội các xóm xã Tú Lý	0,8Km	1,075	1,075		
	Nâng cấp các tuyến mương xã Tú Lý	1,0Km	400		400	
<b>4</b>	<b>Xã Toàn Sơn</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cải tạo sửa chữa đường vào sân vận động trung tâm xã Toàn Sơn	0,3Km	250	250		
	Nâng cấp đường xóm Trúc Sơn-Tân Sơn, xã Toàn Sơn	0,9Km	1,704	1,304	400	
<b>III</b>	<b>HUYỆN KIM BÔI</b>		<b>28,051</b>	<b>15,431</b>	<b>12,620</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Nam Thượng</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Bình Tân	01 CT	300	300		
	Hệ thống thoát nước thải khu dân cư	01 CT	1,654	1,254	400	
<b>2</b>	<b>Xã Sào Báy</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Hệ thống thoát nước thải khu dân cư	01 CT	954	554	400	
	Sửa chữa 08 phòng học trường Tiểu học & THCS	01 CT	1,000	1,000		
<b>3</b>	<b>Xã Vĩnh Đồng</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Đường giao thông nông thôn	01 CT	400	400	-	
	Hệ thống thoát nước thải khu dân cư	01 CT	1,554	1,154	400	
<b>4</b>	<b>Xã Mỹ Hòa</b>		<b>5,554</b>	<b>1,554</b>	<b>4,000</b>	
	XD nhà lớp học và các HMPT điểm trung tâm Đồng Hòa trường MN Mỹ Hòa	01 CT	5,554	1,554	4,000	
<b>5</b>	<b>Xã Đông Bắc</b>		<b>3,420</b>	<b>2,020</b>	<b>1,400</b>	
	Nhà văn hóa xã	01 CT	2,000	600	1,400	
	Khu thể thao và các hạng mục phụ trợ	01 CT	1,000	1,000		
	Đường giao thông nông thôn	01 CT	420	420		

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
<b>6</b>	<b>Xã Xuân Thủy</b>		<b>3,420</b>	<b>2,020</b>	<b>1,400</b>	
	Sửa chữa 06 phòng học trường TH&THCS Sơn Thủy	01 CT	420	420		
	Xây mới: 4 phòng học bộ môn 2 tầng ở điểm Trường TH&THCS Sơn Thủy	01 CT	3,000	1,600	1,400	
<b>7</b>	<b>Xã Kim Lập</b>		<b>3,420</b>	<b>1,600</b>	<b>1,820</b>	
	Đường giao thông nông thôn	01 CT	1,000	500	500	
	Các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Kim Sơn	01 CT	1,000	600	400	
	Cải tạo trường Mầm non Hợp Kim	01 CT	1,000	500	500	
	Hệ thống thoát nước thải khu dân cư	2 km	420		420	
<b>8</b>	<b>Xã Kim Bôi</b>		<b>3,420</b>	<b>2,020</b>	<b>1,400</b>	
	Khu thể thao xã	01 CT	3,420	2,020	1,400	
<b>9</b>	<b>Xã Hùng Sơn</b>		<b>2,954</b>	<b>1,554</b>	<b>1,400</b>	
	Nhà Văn hóa xã	01 CT	2,154	754	1,400	
	XD phòng học bộ môn và các HMPT trường Mầm non Bắc Sơn	01 CT	800	800		
<b>IV</b>	<b>HUYỆN LẠC SƠN</b>		<b>24,539</b>	<b>16,939</b>	<b>7,600</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Nhân Nghĩa</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Bui, xóm Vó Giò	2,9 Km	770	770	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Khị, xóm Dầm	2,5 Km	784	784	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Bung	1,5 Km	400	-	400	
<b>2</b>	<b>Xã Tân Mỹ</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Nại, xóm Mặc	3,5 Km	770	770	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Bu, xóm Trội, xóm Lọt	2,5 Km	784	784	-	

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Bùi Ngheo	1,5 Km	400	-	400	
<b>3</b>	<b>Xã Xuất Hóa</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Thượng Bầu, xóm Chuông Bắp, xóm Rộc; Vốc	3,5 Km	770	770	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Ngải, xóm Nam Hòa 2; xóm Vô; Xưa Hạ; Bắp 2; Ngã Ba Xưa	3,5 Km	784	784	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Ninh Sơn	2 Km	400	-	400	
<b>4</b>	<b>Xã Yên Nghiệp</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hoá đường giao thông xóm Sổng, xóm Yên Kim, xóm Lục 1, xóm Lục 3	3,0 Km	770	770	-	
	Cứng hoá đường giao thông xóm Hồ 2, Xóm Gò Cha, xóm Mu Mạ	3,2 Km	784	784	-	
	Cứng hoá đường giao thông xóm Riêng	1,5 Km	400	-	400	
<b>5</b>	<b>Xã Ân Nghĩa</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hoá đường giao thông nông thôn xóm Re, xóm Lão Thành	3,6 Km	770	770	-	
	Cứng hoá đường giao thông nông thôn phố Re, xóm Đội 5	3,4 Km	784	784	-	
	Cứng hoá đường giao thông nông thôn xóm Khi. Xóm Búm 1	3,0 Km	400	-	400	
<b>6</b>	<b>Xã Hương Nhượng</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Bưng Cọi, xóm Vín Hòa	2,6 Km	770	770	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Vín Bìu, xóm Bìu	2,5 Km	784	784	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Chum	1,5 Km	400	-	400	
<b>7</b>	<b>Xã Thượng Cốc</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Rậm Cọ, xóm Trang, xóm Cáo	3,0 Km	770	770	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Tre, xóm Anh, xóm Mè Côm	3,5 Km	784	784	-	

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Mới, xóm Cốc	4,0 Km	400	-	400	
<b>8</b>	<b>Xã Tân Lập</b>		<b>2,420</b>	<b>2,020</b>	<b>400</b>	
	Sửa chữa hồ xóm Chiềng	01 CT	2,420	2,020	400	
<b>9</b>	<b>Xã Yên Phú</b>		<b>2,420</b>	<b>2,020</b>	<b>400</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Bùi Bái	1 Km	1,000	1,000	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Húng	1,1Km	1,020	1,020	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Trắng Đá	0,4Km	400	-	400	
<b>10</b>	<b>Xã Vũ Bình</b>		<b>6,020</b>	<b>2,020</b>	<b>4,000</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Cảnh 1, xóm Cảnh 2, xóm Cối 1, xóm Cối 2	1Km	1,000	1,000	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Dài, xóm Đồi, xóm Mè	1,1Km	1,020	1,020	-	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Đa Gắm, Xóm Trung Quên, xóm Trang, xóm Thống, xóm Càng	1Km	1,000	-	1,000	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Át, xóm Cài	1 Km	1,000	-	1,000	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Cơi, xóm Đạn	5,5 Km	1,000	-	1,000	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Sơ, xóm Quyết Tiến	5,5 Km	1,000	-	1,000	
<b>V</b>	<b>HUYỆN LẠC THỦY</b>		<b>15,632</b>	<b>12,432</b>	<b>3,200</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Yên Bồng</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn các thôn: Mạnh Tiến 1, Mạnh Tiến 2, Sóc Bai, Hồng Phong 2	2Km	1,954	1,554	400	
<b>2</b>	<b>Xã An Bình</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn An Sơn	1Km	1,000	800	200	

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Cây Rường	1Km	954	754	200	
<b>3</b>	<b>Xã Hưng Thi</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường gia thông nông thôn các thôn: Thới, Cui	1Km	1,000	800	200	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn các thôn: Mán, Trám	1Km	954	754	200	
<b>4</b>	<b>Xã Thống Nhất</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn (Tuyến 1 Rộc Bách thôn Vô đi Đồng Cây Trám thôn Vân)	1Km	1,000	800	200	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn các thôn: Vô, Đồng Huồng	1Km	954	754	200	
<b>5</b>	<b>Xã Đồng Tâm</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn các thôn: Tân Tiến, Đồng Để, Đồng Làn, Đồng Phú	1,5Km	1,400	1,100	300	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Đồng Nội	0,5Km	554	454	100	
<b>6</b>	<b>Xã Phú Nghĩa</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn các thôn: Góc xanh, Sông Bôi, Bưa Cú, Đồng Thung, Bến Đình	1,5Km	1,500	1,100	400	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn các thôn: Phú Bình, An Ninh	0,5Km	454	454		
<b>7</b>	<b>Xã Phú Thành</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn các thôn: Chùa, Rị, Tân Phú	2Km	1,954	1,554	400	
<b>8</b>	<b>Xã Khoan Dụ</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng đường giao thông nông thôn 06 thôn trên địa bàn xã	2Km	1,954	1,554	400	
<b>VI</b>	<b>HUYỆN LƯƠNG SƠN</b>		<b>20,040</b>	<b>15,540</b>	<b>4,500</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Lâm Sơn</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Đoàn Kết	01 CT	500	500		

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Dốc Phấn	01 CT	554	554		
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Rộng Tầm	01 CT	500	500		
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Rộng Cấn	01 CT	400		400	
<b>2</b>	<b>Xã Nhuận Trạch</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Đồng Sy	01 CT	554	554		
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Cầu Sơn	01 CT	500	500		
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Đồng Sầm	01 CT	500	500		
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Suối Sếu B	01 CT	400		400	
<b>3</b>	<b>Xã Liên Sơn</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Chũm	01 CT	554	554		
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Tân Sơn	01 CT	500	500		
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Đá Bạc	01 CT	500	500		
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Nghành	01 CT	400		400	
<b>4</b>	<b>Xã Cư Yên</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Hợp Phong	01 CT	554	554		
-	Xây dựng Nhà văn hóa xóm Suối Yên	01 CT	500	500		
-	Xây dựng hệ thống chiếu sáng Trung tâm Khu dân cư	01 CT	500	500		
-	Sửa chữa tuyến mương từ xóm Liên Khuê đi xóm Nước Lạnh	2Km	400		400	
<b>5</b>	<b>Xã Cao Sơn</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Cứng hóa đường giao thông xóm Vai Đào	0,4Km	250	250		
-	Cứng hóa đường giao thông xóm Trại Hòa	0,7Km	450	450		

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
-	Cứng hóa đường giao thông xóm Quê Sụ	1,2Km	854	854		
-	Cứng hóa đường giao thông xóm Cao	0,7Km	400		400	
<b>6</b>	<b>Xã Hòa Sơn</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Đường giao thông và hệ thống rãnh thoát nước thôn Đồng Quýt	0,3Km	500	500		
-	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã	01 CT	554	554		
-	Xây dựng Nhà văn hóa, công trình phụ trợ thôn Đồng Gội	01 CT	500	500		
-	Sửa chữa, nâng cấp công trình trường Mầm Non Hòa Sơn	01 CT	400		400	
<b>7</b>	<b>Xã Cao Dương</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Cứng hóa đường giao thông thôn Châu Dẻ	0,5Km	500	500		
-	Cứng hóa đường giao thông thôn Văn Thái	0,5Km	500	500		
-	Xây dựng Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Quang Trung	01 CT	554	554		
-	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng Khu trung tâm Khu dân cư	01 CT	400		400	
<b>8</b>	<b>Xã Thanh Cao</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Cứng hóa đường giao thông thôn Sáu Hạ	1Km	1,000	1,000		
-	Cứng hóa đường giao thông thôn Đa Sỹ	0,8Km	554	554		
-	Cứng hóa đường giao thông thôn Gò Mu	0,7Km	400		400	
<b>9</b>	<b>Xã Thanh Sơn</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn An Thịnh	01 CT	654	654		
-	Cứng hóa đường giao thông nông thôn thôn An Thịnh và thôn Hợp Thung	2Km	900	900		
-	Cứng hóa đường giao thông thôn Dẻ Cau	0,5Km	400		400	
<b>10</b>	<b>Xã Tân Vinh</b>		<b>2,454</b>	<b>1,554</b>	<b>900</b>	

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
-	Xây dựng hệ thống nước sạch trên địa bàn xã	01 CT	1,554	1,554		
-	Xây dựng các công trình phụ trợ trường Tiểu học và THCS	01 CT	900		900	
<b>VII</b>	<b>HUYỆN MAI CHÂU</b>		<b>14,644</b>	<b>11,344</b>	<b>3,300</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Mai Hạ</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xóm Khả	1Km	600	600		
	Nâng cấp đường giao thông nội đồng xóm Tiên Phong	0,74Km	954	954		
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Đồng Uống	0,42Km	400		400	
<b>2</b>	<b>Xã Tòng Đậu</b>		<b>2,454</b>	<b>1,554</b>	<b>900</b>	
	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xóm Cha, Cha Long	0,38Km	500	500		
	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xóm Cha - UBND xã	0,6Km	1,054	1,054		
	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xóm Đậu	0,13Km	380		380	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Đậu	0,38Km	380		380	
	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xóm Tòng	0,14Km	140		140	
<b>3</b>	<b>Xã Xăm Khòe</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cải tạo, nâng cấp kênh thoát lũ xóm Nám	0,22Km	400	400		
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Pu	0,2Km	200	200		
	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xóm Xuân Tiến	0,3Km	354	354		
	Kiên cố hóa kênh mương xóm Bước	0,6Km	300	300		
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Sun	0,3Km	300	300		
	Kiên cố hóa kênh mương xóm Te	0,4Km	200		200	
	Hệ thống thoát nước thải dân cư và xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn xóm Khòe	0,2Km	200		200	



STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
<b>4</b>	<b>Xã Mai Hịch</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Nâng cấp đường giao thông nội đồng Nà Cá, xóm Cha Lang	0,25Km	250	250		
	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xóm Hải Sơn	0,8Km	800	800		
	Cứng hóa đường giao thông nội đồng Nà Hang, xóm Ngõa	0,5Km	504	504		
	Nâng cấp đường giao thông nội đồng xóm Hải Sơn	0,6Km	400		400	
<b>5</b>	<b>Xã Chiềng Châu</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Kiên cố hóa kênh mương Pượt xóm Mỏ	0,3Km	160	160		
	Nâng cấp đường giao thông nội đồng xóm Lác	0,42Km	400	400		
	Nâng cấp đường giao thông nội đồng xóm Chiềng Châu	0,18Km	250	250		
	Kè đường giao thông nội đồng xóm Chiềng Châu	0,15Km	234	234		
	Kiên cố hóa kênh mương Nà Càng xóm Lác	0,55Km	300	300		
	Kiên cố hóa kênh mương Nà Pheo xóm Chiềng Châu	0,4Km	210	210		
	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xóm Chiềng Châu	0,34Km	400		400	
<b>6</b>	<b>Xã Vạn Mai</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Cùm	0,25Km	400	400		
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Thanh Mai	0,15Km	350	350		
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Lọng	0,3Km	450	450		
	Kè đường giao thông nông thôn xóm Khán	0,35Km	354	354		
	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xóm Ngệ	0,4Km	400		400	
<b>7</b>	<b>Xã Bao La</b>		<b>2,420</b>	<b>2,020</b>	<b>400</b>	
	Sân vận động trung tâm xã xóm Báo	01 CT	1,320	1,320		

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Cứng hóa đường giao thông nông thôn xóm Púng	0,8Km	700	700		
	Kiên cố hóa kênh mương bai Ten xóm Vặn	0,7Km	400		400	
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN TÂN LẠC</b>		<b>29,051</b>	<b>22,251</b>	<b>6,800</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Ngọc Mỹ</b>		<b>6,020</b>	<b>2,020</b>	<b>4,000</b>	
	Đường xóm Quạng Láng	1,3 Km	1,500	400	1,100	
	Đường xóm Quạng 2	0,7 Km	800		800	
	Đường xóm Bùi Cút	1,4 Km	1,120	1,120		
	Mương xóm Phung 2	0,7 Km	500	500		
	Mương xóm Mu Biệng	0,8 Km	600		600	
	Mương xóm Quạng Láng	1,0 Km	800		800	
	Mương xóm Cọi Vinh	0,5 Km	350		350	
	Mương xóm Quạng 2	0,5 Km	350		350	
<b>2</b>	<b>Xã Đông Lai</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Nhà văn xóm Tân Lai		500	500		
	Nhà văn hóa xóm Bái Trang		500	500		
	Đường xóm Bái Trang đi xóm Ó Gà	1,5 Km	714	314	400	
	Mương hồ Cóm	0,3 Km	240	240		
<b>3</b>	<b>Xã Thanh Hối</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Bê tông hóa đường xóm Bào 2	0,2 Km	200	200		
	Bê tông hóa đường xóm Nhót	0,25 Km	230	230		
	Bê tông hóa đường xóm Nen 1	0,50 Km	320	320		

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Bê tông hóa đường xóm Nen 1	0,20 Km	200	200		
	Kiên cố kênh mương xóm Nen 2	0,5 Km	300	300		
	Kiên cố kênh mương xóm Đông	1,0 Km	494	94	400	
	Kiên cố kênh mương xóm Nen 1	0,3 Km	210	210		
<b>4</b>	<b>Xã Tứ Nê</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Đường xóm Bực	0,25 Km	158	158		
	Đường xóm Cú	0,80 Km	504	504		
	Mương xóm Bin	2,3 Km	792	392	400	
	Nhà văn hóa xóm 1	01 CT	500	500		
<b>5</b>	<b>Xã Mỹ Hòa</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Đường xóm Chù Bụa	0,7 Km	654	654		
	Đường xóm Chuông	1.8 Km	1,050	650	400	
	Mương xóm Đon	0,3 Km	250	250		
<b>6</b>	<b>Xã Phong Phú</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Mương Trùng	2,1 Km	800	400	400	
	Mương Đồng Giá, Đồng Biện	1,05 Km	600	600		
	Bai Hạm	0,20 Km	200	200		
	Mương Túm	2,0 Km	354	354		
<b>7</b>	<b>Xã Gia Mô</b>		<b>6,630</b>	<b>6,230</b>	<b>400</b>	
	Mương Đồng Đon, xóm Dừng	0,4 Km	300	300		
	Mương xóm Trám	0,3 Km	250	250		

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Mương xóm Rên	1,18 Km	800	400	400	
	Đường nội xóm Trám	0,85 Km	700	700		
	Đường nội xóm Rên	0,9 Km	750	750		
	Mương xóm Gia Phú	0,8 Km	600	600		
	Đường nội xóm Trang	3,07 Km	2,620	2,620		
	Cầu thoát nước Tràng Tộc	0,40 Km	610	610		
<b>8</b>	<b>Xã Quyết Chiến</b>		<b>6,630</b>	<b>6,230</b>	<b>400</b>	
	Đường xóm Biệng đi xóm Cá	1,32 Km	1,930	1,530	400	
	Đường xóm Bắc Thung	0,5 Km	700	700		
	Đường đi Đác Nhạ xóm Bắc Thung	2,0 Km	2,000	2,000		
	Đường đi Bãi Bằng và vào thác Thung	2,5 Km	2,000	2,000		
<b>IX</b>	<b>THÀNH PHỐ HÒA BÌNH</b>		<b>12,690</b>	<b>9,790</b>	<b>2,900</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Yên Mông</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Mở rộng tuyến đường xóm Mời Mít	1,2Km	1,954	1,554	400	
<b>2</b>	<b>Xã Hợp Thành</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xóm Tân Thành (đường từ 445 đi khu dân cư xóm Tân Thành)	0,6Km	1,200	800	400	
	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xóm Nhà	0,7Km	754	754		
<b>3</b>	<b>Xã Thịnh Minh</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng hạng mục sân vận động	01 CT	1,954	1,554	400	
<b>4</b>	<b>Xã Mông Hóa</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Trường mầm non Hoa Mai	01 CT	1,954	1,554	400	
<b>5</b>	<b>Xã Quang Tiến</b>		<b>2,420</b>	<b>2,020</b>	<b>400</b>	
	Xây dựng Cầu và đường xóm Đoàn Kết 1	0,5 Km	2,420	2,020	400	
<b>6</b>	<b>Xã Hòa Bình</b>		<b>2,454</b>	<b>1,554</b>	<b>900</b>	
	Đường điện chiếu sáng xóm Tiểu Khu đi xóm Bích Trụ	2,5 Km	2,454	1,554	900	
<b>X</b>	<b>HUYỆN YÊN THỦY</b>		<b>16,900</b>	<b>14,000</b>	<b>2,900</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Lạc Thịnh</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Nâng cấp đường bê tông xóm Lạng	2Km	954	554	400	
	Đường tránh lũ xóm Trác	1Km	500	500		
	Nâng cấp Bai tràn xóm Đình	1Km	500	500		
<b>2</b>	<b>Xã Phú Lai</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Xây mới nhà văn hóa Xóm Trung Hoa	01 CT	150	150		
	Xây mới nhà văn hóa Xóm Rò	01 CT	150	150		
	Sửa chữa Nhà Văn hóa xóm Hạ	01 CT	100	100		
	Sửa chữa Nhà Văn hóa Tân Vượng	01 CT	100	100		
	Làm mới đường khu vực Trung tâm xã	0,7 Km	800	400	400	
	Làm mới đường trục thôn Tân Vượng	0,3 Km	225	225		
	Xây mới kênh dẫn nước đập Đàm Sóng	1 Km	429	429		
<b>3</b>	<b>Xã Hữu Lợi</b>		<b>6,630</b>	<b>6,230</b>	<b>400</b>	
	Làm đường bê tông trục xóm Yên Thời	1 Km	700	300	400	
	Làm đường bê tông trục xóm Vô Dấp	0,42 Km	590	590		
	Đường ngõ xóm Liên Hợp	0,75 Km	1,000	1,000		
	Đường ngõ xóm Yên Thời	0,49 Km	390	390		

STT	Xã/Tên công trình	Quy mô thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ năm 2022 (Vốn năm 2022 và vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022)			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Năm 2021	Năm 2022	
	Đường ngõ xóm Vồ Dấp	0,23 Km	170	170		
	Đường Nội đồng xóm Yên Thời	1,2 Km	1,000	1,000		
	Đường Nội đồng xóm Vồ dấp	1,2 Km	900	900		
	Đường Nội đồng xóm Đồi Tân	1,2 Km	900	900		
	Xây mới tuyến mương xóm Yên Thời	0,8 Km	520	520		
	Xây mới tuyến mương xóm Rộc	0,24 Km	160	160		
	Làm sân chơi cho trẻ em xóm Yên Thời	0,55Km	300	300		
<b>4</b>	<b>Xã Yên Trị</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Đường xóm Lòng đi Ninh Hòa	1,0 Km	500	100	400	
	Đường xóm Ao Hay đi Minh Thành	1,0 Km	500	500		
	Đường bảo vệ vành đai rừng Cúc phương và gắn kết du lịch công đồng		454	454		
	Xây mới kênh mương	1,0 Km	500	500		
<b>5</b>	<b>Xã Ngọc Lương</b>		<b>1,954</b>	<b>1,554</b>	<b>400</b>	
	Làm mới đoạn từ QL12B đi đường liên xã Ngọc Lương - Đoàn Kết (Nối tiếp đoạn từ nhà ông Thao) đi đường liên xã Ngọc Lương, Đoàn Kết (Thung Nang).	1 Km	450	450		
	Làm mới tuyến đường, đoạn từ QL12B xóm Yên Lương đi đường liên xã Ngọc Lương - Yên Trị	0,6 Km	360	360		
	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương từ xóm Đồi 1 đi Kiểm Lâm	2,3 Km	1,144	744	400	
<b>6</b>	<b>Xã Đoàn Kết</b>		<b>2,454</b>	<b>1,554</b>	<b>900</b>	
	XD đường bê tông đoạn từ nhà ông Lê đến nhà bà Hun, xóm Phú Vệ	0,4 Km	254	254		
	XD đường bê tông đoạn từ nhà ông Hiên đến nhà ông Liên, xóm Đồng Lạc	0,6Km	450	450		
	XD đường bê tông đoạn từ ông Lịnh, xóm Đồng Lạc đến nhà ông Lai, xóm Phú Vệ	0,6 Km	600	600		
	XD đường bê tông đoạn từ ông Phi, xóm Nam Thái đến nhà bà Hằng, xóm Mền 1	1,2 Km	900		900	
	XD đường bê tông đoạn từ nhà ông Tươi đến nhà ông Toán xóm Mền Liên Kết	0,35 Km	250	250		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH